

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình liên thông giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2762/QĐ-BNN-TCLN ngày 22/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2762/QĐ-BNN-TCLN ngày 22/7/2020 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp và lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng (Có danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TTPVHCC, TTTT, CV: Khánh, Trình;
- Bưu điện tỉnh Cao Bằng;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Lưu: VT, KSTT (M).

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Hoàng Xuân Ánh

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (01 TTHC)						
1	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	<p>* Trường hợp thuộc thẩm quyền của Quốc hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc. - Ủy ban nhân dân tỉnh: 25 ngày làm việc. - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 25 ngày làm việc. - Thủ tướng Chính phủ: Theo Quy chế làm việc của Chính phủ. - Quốc hội: Theo quy chế làm việc của Quốc hội. <p>* Trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc. - Ủy ban nhân dân tỉnh: 25 ngày làm việc. 	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng (<i>Tòa nhà Bưu điện, đường Hoàng Đình Giọng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng</i>)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

		<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 25 ngày làm việc. - Thủ tướng Chính phủ: Theo Quy chế làm việc của Chính phủ. * Trường Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc. - Ủy ban nhân dân tỉnh: 40 ngày làm việc. - Hội đồng nhân dân tỉnh: Theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh. 			
--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Quyết định công bố và số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (04 TTHC)			
I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (02 TTHC)			
1	Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh (Số hồ sơ TTHC: 1.002174)	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối với khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý	Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
2	Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh (Số hồ sơ TTHC: 2.000030)	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	

II.	LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT (02 TTHC)		
1	Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón
2	Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	

Công bố: 05 TTHC
 Trong đó:
 + Mới ban hành: 01 TTHC
 + Bãi bỏ: 04 TTHC.

PHỤ LỤC 2
QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Quy trình giải quyết thủ tục: Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

1. Trường hợp thuộc thẩm quyền của Quốc hội

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Người thực hiện/Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Tham mưu trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do	Lãnh đạo, bộ phận chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2,5 ngày làm việc
	Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh	Lãnh đạo, bộ phận chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4,5 ngày làm việc
Bước 3	Tham mưu UBND tỉnh tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng: - Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện: Tham mưu trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực của Văn phòng UBND tỉnh	20 ngày làm việc
	- Trường hợp kết quả thẩm định đủ điều kiện: Tham mưu tỉnh gửi hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	05 ngày làm việc
Bước 4	Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ; tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Quốc hội quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25 ngày làm việc
	Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	03 ngày làm việc

Bước 5	Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Chính phủ	Thực hiện theo quy chế làm việc của Chính phủ
Bước 6	Quốc hội quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Quốc hội	Thực hiện theo quy chế làm việc của Quốc hội
Bước 7	Sau khi Quốc hội quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, kết quả được gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chuyển kết quả về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công) để trả cho tổ chức, cá nhân	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Không tính thời gian

2. Trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Người thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Tham mưu trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do	Lãnh đạo, bộ phận chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2,5 ngày làm việc
	Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh	Lãnh đạo, bộ phận chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4,5 ngày làm việc
Bước 3	Tham mưu UBND tỉnh tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng: - Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện: Tham mưu trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do. - Trường hợp kết quả thẩm định đủ điều kiện: Tham mưu UBND tỉnh gửi hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực của Văn phòng UBND tỉnh	20 ngày làm việc
		Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	05 ngày làm việc
Bước 4	Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ; tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25 ngày làm việc

	Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và nêu rõ lý do.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	05 ngày làm việc
Bước 5	Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Chính phủ	Thực hiện theo quy chế làm việc của Chính phủ
Bước 6	Sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, kết quả được gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển kết quả về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công) để trả cho tổ chức, cá nhân	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Không tính thời gian

3. Trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Người thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm HCC tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Tham mưu trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do	Lãnh đạo, bộ phận chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2,5 ngày làm việc
	Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh	Lãnh đạo, bộ phận chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4,5 ngày làm việc
Bước 3	Tham mưu UBND tỉnh tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng: - Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện: Tham mưu trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do. - Trường hợp kết quả thẩm định đủ điều kiện: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực của Văn phòng UBND tỉnh	30 ngày làm việc

		Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	10 ngày làm việc
Bước 4	Hội đồng nhân dân xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Hội đồng nhân dân tỉnh	Thực hiện theo quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
Bước 5	Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, kết quả được gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công) để trả cho tổ chức, cá nhân	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Không tính thời gian